

Bản án số: 158/2026/DS-PT

Ngày 27 - 02 - 2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Các Thẩm phán:

Bà Châu Minh Nguyệt

Bà Nguyễn Thị Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Thúy An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 689/2025/TLPT-DS ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 124/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 46/2026/QĐ-PT ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:*

1. Bà Lê Hồng N, sinh ngày 01/01/1989; CCCD số: 094189012***, cấp ngày 14/8/2021;

2. Ông Huỳnh Hoàng V, sinh ngày 16/9/1978; CCCD số: 09507800***, cấp ngày 14/8/2021;

Cùng địa chỉ: Số 71, đường L, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh B (nay là Số 71, đường Lê Khắc X, khóm 1, phường B, tỉnh C).

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Hồng N: Ông Huỳnh Hoàng V, sinh ngày 16/9/1978; Địa chỉ: Số 71, đường L, khóm 10, phường 1, thành phố B, tỉnh B (nay là Số 71, đường L, khóm 1, phường B, tỉnh C) (có mặt).

**Bị đơn:* Ông Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 25/4/1985;

Nơi thường trú: Ấp B, xã C, huyện V, tỉnh B (nay là ấp B, xã C, tỉnh C)

Nơi ở: Số 31, đường L, khóm 2, phường 7, thành phố B, tỉnh B (nay là Số 31, đường Lê Đại Hành, khóm 20, phường B, tỉnh C) (xin xét xử vắng mặt).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị T, sinh ngày 20/6/1985; Địa chỉ: Số 31, đường L, khóm 2, phường 7, thành phố B, tỉnh B (nay là Số 31, đường L, khóm 20, phường B, tỉnh C) (xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Huỳnh Hoàng V là nguyên đơn và là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Hồng N trình bày:

Ông Nguyễn Quốc Đ là người đi mua lúa của người dân để bán lại. Vợ chồng ông V, bà N bỏ ra 500.000.000 đồng để mua lúa từ ông Đ với mục đích cũng là để bán lại, giao tiền cho ông Đ vào ngày 09/12/2024 hình thức chuyển khoản ngân hàng. Đến ngày 16/12/2024 ông Đ kêu ông V đi nhận lúa, ông V đi một mình đến Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang gặp ông Đ, có cùng ông Đ đi ra ruộng nhìn ông Đ thỏa thuận giá cả với người dân, ông Đ tự giao dịch với người dân. Ngày 17/12/2024 ông V giao thêm cho ông Đ số tiền 299.000.000 đồng cũng là để mua lúa của ông Đ. Đến ngày 19/12/2024 ông Đ kêu ông V về rồi ông Đ sẽ giao lúa sau cho ông V tại thành phố Bạc Liêu, nhưng sau đó vẫn không có lúa. Ông Đ xác định nếu có lúa sẽ giao cho ông V, nếu không có lúa thì số tiền ông V giao cho ông Đ xem như là tiền ông Đ vay của vợ chồng ông V. Đến ngày 29/12/2024 ông Đ đã chuyển số tiền 10.000.000 đồng lãi đối với số tiền 799.000.000 đồng.

Đến ngày 09/01/2025 ông Đ gặp ông V tại thành phố Bạc Liêu, ông Đ đặt vấn đề số tiền 799.000.000 đồng cho ông Đ vay thêm 03 tháng, thời hạn tính từ ngày 19/12/2024, ông Đ đã đóng lãi thêm 10.000.000 đồng. Đến ngày 20/01/2025 ông V và ông Đ gặp nhau tại quán cà phê, ông Đ đã ký vào giấy xác nhận nợ đề ngày 19/12/2024. Đến ngày 24/02/2025 ông Đ đóng lãi thêm 10.000.000 đồng. Đóng lãi dưới hình thức là chuyển khoản. Việc ông V và ông Đ thỏa thuận mua bán lúa với nhau chỉ thỏa thuận miệng, không lập thành văn bản. Nhưng tại các giấy chuyển tiền có thể hiện ông V chuyển tiền cho ông Đ với nội dung là đặt cọc lúa.

Theo giấy xác nhận nợ ngày 19/12/2024 thể hiện thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 1%/tháng, số tiền vay là 799.000.000 đồng. Ông Đ đã đóng lãi được số tiền 30.000.000 đồng.

Đến thời hạn trả nợ số tiền 799.000.000 ông Đ không thực hiện trả nợ. Bà N, ông V yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ và vợ là bà T trả cho ông V, bà N số tiền vay còn nợ là 799.000.000 đồng và lãi suất 1%/ tháng, tính từ ngày 20/3/2025 cho đến khi trả dứt nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc Đ trình bày: Ông Đ không có vay tiền của ông V và bà N, chữ ký tại giấy xác nhận nợ ngày 19/12/2024 không phải do ông Đ ký.

Ông Đ có nhận tiền của vợ chồng ông V, bà N 02 lần, tổng số là 799.000.000 đồng, đây không phải là tiền ông Đ vay của vợ chồng ông V, mà là tiền vợ chồng ông V hùn vốn làm ăn với ông Đ, cụ thể là mua bán lúa, không

có lập văn bản về việc hùn vốn. Nhưng ông V có cùng đi với ông Đ đến nơi mua lúa để đặt cọc của người dân, tại huyện Vĩnh Thuận, tỉnh Kiên Giang, có qua tỉnh Cà Mau đặt cọc vào tháng 11/2024 âm lịch. Thời điểm đặt cọc lúa là 12.000 đồng/kg, sau đó lúa rớt giá 8.000 đồng – 9.000 đồng/ kg. Do lúa rớt giá nên đã bỏ cọc, số tiền đặt cọc là 500.000.000 đồng. Còn số tiền 299.000.000 đồng dùng để mua lúa của người dân để bán lại, nhưng do lúa sụt giá nên đã thua lỗ hết. Vợ chồng ông V bỏ ra 799.000.000 đồng và ông Đ đã bỏ ra trên 1.000.000.000 đồng, đã thua lỗ hết. Do đó, đối với yêu cầu của vợ chồng ông V, ông Đ không đồng ý.

Theo đơn xác nhận ngày 29/9/2025 ông Đ xác định, ông Đ và bà T là vợ chồng, sống tại ấp Bà Chăng A, xã Châu Thới, tỉnh Cà Mau, nhưng đến năm 2018 vợ chồng có mâu thuẫn, bà T đã về sống tại phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau.

Bà Lê Thị Ttrình bày theo văn bản trình bày ý kiến ngày 29/9/2025: Bà T và ông Đ là vợ chồng, nhưng từ đầu năm 2018 đến nay có xảy ra mâu thuẫn, đã sống ly thân, ông Đ sống tại ấp Bà Chăng A, xã Châu Thới, tỉnh Cà Mau, còn bà T sống tại số 31, đường Lê Đại Hành, Khóm 20, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau. Đối với việc làm ăn mua bán hay nợ nần giữa ông Đ với ông V và bà N, bà T không biết, ông Đ không có mang tiền về xây dựng gia đình. Do đó, ông V, bà N yêu cầu bà T cùng có trách nhiệm trả nợ, bà T không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 124/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 91; khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Quốc Đ, bà Lê Thị T có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Hoàng V, bà Lê Hồng N số tiền vay gốc là 799.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/9/2025 là 45.105.996 đồng, tổng cộng là 844.105.996 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/10/2025 bà Lê Thị T kháng cáo với nội dung không biết việc ông Nguyễn Quốc Đ giao dịch làm ăn, đã ly thân từ năm 2018. Ngày 30/10/2025 ông Nguyễn Quốc Đ kháng cáo với nội dung không vay tiền của ông V và bà N, là giao dịch hùn vốn mua bán lúa, không liên quan gì đến bà Lê Thị T vì giữa ông và bà T đã ly thân vào năm 2018, nếu có nợ cũng là nợ riêng của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc Đ, bà Lê Thị Thêm. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Cà Mau.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ, phần tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Quốc Đ và bà Lê Thị Tkháng cáo trong hạn luật định, có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Quốc Đ: Ông Nguyễn Quốc Đ khẳng định số tiền 799.000.000 đồng là tiền hùn vốn mua lúa của bà N, ông V. Vấn đề hùn vốn làm ăn tại phiên tòa sơ thẩm ông Đ không cung cấp được bất cứ tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho việc hùn vốn kinh doanh mua bán lúa, tại phiên tòa phúc thẩm ông Đ xin xét xử vắng mặt và có văn bản trình bày ý kiến đề nghị hủy bản án sơ thẩm, có nội dung xác định là hùn vốn làm ăn với ông V nhưng vẫn không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới để chứng minh cho việc hùn vốn, tuy nhiên ông Đ có trình bày do hùn vốn nên ông mới chuyển khoản với nội dung “Chia tiền lời” ông V không thừa nhận cho rằng ông Đ chuyển tiền lời do ông Đ vay. Tài liệu có tại hồ sơ thể hiện ông Đ viết biên nhận nhận nợ số tiền 799.000.000 đồng, kết luận giám định chữ ký ký nhận nợ do ông Đ viết, các nội dung chuyển khoản 03 lần thể hiện: lần thứ nhất ngày 29/12/2024 nội dung chuyển “tiền lời” số tiền 10.000.000 đồng, lần thứ 2 chuyển khoản ngày 09/01/2025 số tiền 10.000.000 đồng nội dung “chuyển tiền lời lúa”, lần thứ 3 chuyển khoản ngày 24/02/2025 số tiền 10.000.000 đồng không thể hiện nội dung. Xét 03 lần chuyển tiền ông V không thừa nhận, ông V cho rằng ông Đ chuyển mỗi lần 10.000.000 đồng là nhiều hơn số tiền lãi vay, do ông Đ nói chuyển số tiền như vậy có gì sau này tính tiền vay lại rồi trừ. Mặc khác ông Đ cho rằng trong quá trình kinh doanh thua lỗ hết số tiền 799.000.000 đồng. Nếu ông Đ cho rằng làm ăn thua lỗ thì ông Đ phải chứng minh cụ thể số tiền kinh doanh thu chi như thế nào, có xác nhận của ông V và bà N. Chỉ là lời trình bày của ông Đ chưa đủ căn cứ có việc hùn vốn kinh doanh.

Xét kháng cáo của ông Nguyễn Quốc Đ và bà Lê Thị T về nội dung nợ ông Đ không liên quan gì đến bà T, giữa hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Xét ông Đ và bà Thêm cho rằng ly thân cũng chỉ là lời trình bày của ông bà. Căn

cứ tình trạng hôn nhân giữa ông Đ và bà T vẫn tồn tại, chưa có văn bản pháp lý nào xác định giữa ông Đ và bà T không phải là vợ chồng, địa chỉ nơi ở của ông Đ là ở tại Số 31, đường Lê Đại Hành, khóm 2, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (nay là Số 31, đường Lê Đại Hành, khóm 20, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau), ông Đ cho rằng ông đang ở tại ấp Bà Chăng A, xã Châu Thới, tỉnh Cà Mau. Việc ông Đ và bà T có hai nơi ở là vấn đề bình thường, không có căn cứ địa chỉ hai nơi thì ông Đ và bà T không phải là vợ chồng, trong khi đó chính quyền địa phương xác nhận ông Đ vẫn sinh sống tại số 31, đường Lê Đại Hành, khóm 20, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau, cũng là nơi bà T đang sinh sống.

Đối với việc ông Đ và bà T kháng cáo cho rằng ông Đ kinh doanh riêng không liên quan gì đến bà T. Giữa ông Đ và bà T là vợ chồng, không có tài liệu chứng cứ chứng minh ông Đ kinh doanh là chỉ để lo cho riêng bản thân ông Đ, ông Đ kinh doanh với mục đích phát triển kinh tế gia đình, chăm lo cho gia đình nên bản án sơ thẩm buộc bà T cùng có nghĩa vụ thanh toán nợ với ông Đ là có căn cứ

Đối với kháng cáo đề nghị huỷ án sơ thẩm do cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng trong tính toán lãi suất và làm rõ tình tiết vụ án. Vấn đề này không có căn cứ vì cấp sơ thẩm áp dụng Điều 468 Bộ luật dân sự là phù hợp, do ông Đ ký giấy nợ ông V, trường hợp tính lãi không có căn cứ như ông Đ trình bày là quan hệ đầu tư, hợp tác thì ông Đ phải chứng minh. Như nhận định trên không có cơ sở xác định giữa ông Đ và ông V có hợp tác, đầu tư. Đối với vấn đề ông Đ cho rằng bản án sơ thẩm chưa làm rõ danh sách những người dân mà ông Đ đặt cọc tiền để xác định số tiền thực tế giải ngân, vấn đề này ông Đ phải tự chứng minh, cấp sơ thẩm không có nghĩa vụ thu thập để chứng minh cho ông. Nếu thực tế có việc giải ngân cho những người ông Đ đặt cọc thì cũng không có căn cứ là ông Đ và ông V hùn vốn làm ăn chung với nhau.

[3] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc Đ và bà Lê Thị Thêm, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Quốc Đ, bà Lê Thị T phải nộp án phí dân sự phúc thẩm mỗi người là 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[5] Các Quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, phát sinh hiệu lực kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quốc Đ và bà Lê Thị Thêm. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 124/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Cà Mau.

3. Căn cứ các Điều 463, 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 27 Luật Hôn nhân gia đình; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Quốc Đ, bà Lê Thị T có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Hoàng V, bà Lê Hồng N số tiền vay gốc là 799.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 30/9/2025 là 45.105.996 đồng, tổng cộng là 844.105.996 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Về án phí sơ thẩm: Ông Nguyễn Quốc Đ, bà Lê Thị T phải chịu 37.323.180 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Huỳnh Hoàng V, bà Lê Hồng N không phải chịu án phí. Ông V, bà N đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 17.980.000 đồng theo biên lai số 0000280 ngày 03 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Cà Mau) được hoàn lại tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

4. Các Quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Quốc Đ, bà Lê Thị T phải nộp mỗi người 300.000 đồng, đã dự nộp theo biên lai thu số 0003613, 0003614 ngày 31/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Cà Mau;
- Phòng THA Dân sự Khu vực 6 - Cà Mau;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

Hoàng Thị Hải Hà

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Châu Minh Nguyệt

Nguyễn Thị Hiền

Hoàng Thị Hải Hà